

Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về phát triển kinh tế biển của địa phương cấp tỉnh

Nguyễn Thị Thanh

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường

Kinh tế biển là một phức hợp các ngành, các lĩnh vực và bộ phận kinh tế gắn với biển có liên quan và tương tác lẫn nhau trong quá trình phát triển. Trong bối cảnh mới của tình hình các nước trong khu vực, kinh tế biển chịu nhiều tác động của yếu tố bên ngoài, sự ảnh hưởng của các nước liên quan đến biển. Do vậy, muốn kinh tế biển phát triển, quản lý nhà nước (QLNN) phải được coi là yếu tố quan trọng hàng đầu, đi tiên phong để hỗ trợ, thúc đẩy các yếu tố khác cùng tham gia phát triển kinh tế biển. Chính vì vậy, nhiệm vụ QLNN về kinh tế biển là một nhiệm vụ mang tính chiến lược trong phát triển kinh tế biển nói riêng và phát triển kinh tế nói chung.

1. Nhân tố khách quan

Điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh

Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh có tác động khá lớn đến QLNN cấp tỉnh về kinh tế biển. Việc ban hành pháp luật, lập quy hoạch, tổ chức thực hiện... đều phải tính kỹ, lượng hóa tốt nhất các yếu tố này.

Là tỉnh, nếu vùng biển ít bão gió, có nhiều bãi tắm đẹp có thể ưu tiên phát triển du lịch biển. Nếu thế thì trong quy hoạch phải chú ý phát triển các ngành khác sao cho không đi ngược lại lợi ích ngành du lịch. Hoặc nếu tỉnh có tiềm năng cảng biển nước sâu, cần ưu tiên phát triển ngành dịch vụ vận tải biển...

Nguồn tài nguyên biển do tình quản lý ảnh hưởng đến tiềm năng phát triển kinh tế biển của tỉnh, qua đó ảnh hưởng đến hoạt động QLNN. Nếu nguồn tài nguyên này phong phú, đa dạng, hoạt động quản lý của chính quyền cấp tỉnh cũng phong phú và đa dạng.

Nếu địa phương có bờ biển dài, diện tích lãnh hải thuộc chủ quyền rộng, khả năng tiếp cận dễ dàng đến các đại dương, tài nguyên thiên nhiên giàu có, nhiều bãi biển đẹp, nhiều vịnh nước sâu... Đó là điều kiện tốt cho phát triển tổng hợp kinh tế biển của địa phương.

Cơ sở hạ tầng vùng ven biển và hải đảo, nếu yếu kém, lạc hậu, hệ thống cảng biển nhỏ bé, manh mún, sẽ hạn chế chính sách khuyến khích phát triển các ngành kinh tế có liên quan trực tiếp tới khai thác biển như đóng và sửa chữa tàu biển, chế biến dầu khí, chế biến thủy, hải sản, thông tin liên lạc,...

Mỗi địa phương, vùng miền có các đặc thù của nhóm dân cư, các tầng lớp trong xã hội, phong tục tập quán, điều kiện KT-XH khác nhau. Do vậy, QLNN về kinh tế biển cần căn cứ trên thực tiễn này để đưa ra những quyết định phù hợp nhất. Chẳng hạn, cư

dân, ngư dân ven biển phải bám biển để kiếm sống; ngư dân có học vấn rất thấp; nhận thức của cư dân ven biển còn nhiều hạn chế. Chính vì thế, QLNN về kinh tế biển phải chú ý khía cạnh tổ chức lớp học linh hoạt...

Thị trường trong nước và quốc tế

Thị trường trong nước và quốc tế là nhân tố thúc đẩy hoặc cản trở kinh tế biển phát triển, qua đó ảnh hưởng đến QLNN. Mở rộng thị trường tạo điều kiện cho các nhà đầu tư, đầu tư vào kinh tế biển mở rộng sản xuất kinh doanh, thúc đẩy kinh tế địa phương tăng trưởng và phát triển, tăng thêm tiềm lực sẵn có, giảm khó khăn cho chính quyền cấp tỉnh. Những biến động xấu trên thị trường quốc tế ảnh hưởng rất lớn đến ngành kinh tế biển mà then chốt là vận tải biển và cảng biển.

Quan hệ với các nước láng giềng trên biển

Quản lý nhà nước về kinh tế biển không chỉ phụ thuộc vào những nhân tố sẵn có của vùng lãnh thổ có biển, mà còn phụ thuộc vào quan hệ với các nước láng giềng trên biển. Điều này được thể hiện rất rõ trong hoạt động và chi tiêu của nhà nước để đầu tư, kiểm soát và bảo vệ chủ quyền trên biển tùy theo quan hệ tốt hay xấu với nước láng giềng. Mặt khác, tình hình an ninh, quốc phòng trên biển, quyền tài phán của quốc gia theo luật quốc tế..., tạo căn cứ để chính quyền cấp tỉnh thực thi QLNN về kinh tế biển

2. Nhân tố chủ quan

Thứ nhất, tiềm lực tài chính của tỉnh. Tiềm lực tài chính của tỉnh là đòn bẩy của quá trình sản xuất và kinh doanh, nâng cao năng suất và hiệu quả, sức cạnh tranh của sản xuất, kinh doanh, có vai trò rất quan trọng đến sự phát triển KT - XH.

Tiềm lực tài chính của tỉnh có ảnh hưởng rất lớn đến quản lý kinh tế biển cấp tỉnh. Để khai thác tiềm năng thế mạnh từ biển góp phần thúc đẩy phát triển

KT-XH, đảm bảo quốc phòng, an ninh và sớm đưa đất nước có biển thành nước công nghiệp, giàu lên từ biển phải có tiềm lực tài chính mạnh. Bên cạnh đó tiềm lực tài chính còn ảnh hưởng đến quá trình phát triển khoa học – công nghệ trong lĩnh vực biển. QLNN cấp tỉnh về kinh tế biển không thể tách rời với khoa học, công nghệ vì nó là điều kiện để khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế của biển, giữ vững chủ quyền biển, đảo. Như vậy, địa phương có lợi thế về biển và được đầu tư tốt khoa học, công nghệ sẽ khai thác tốt hơn, hiệu quả cao hơn,...

Thứ hai, khung khổ, chính sách của quốc gia về quản lý và quản lý kinh tế biển. Sự ảnh hưởng của Khung khổ, chính sách của quốc gia về quản lý và quản lý kinh tế biển thể hiện trước hết ở chất lượng xây dựng và ban hành pháp luật quản lý kinh tế biển. Việc xây dựng, ban hành văn bản pháp luật một cách khoa học, hợp lý thì sẽ có văn bản có chất lượng, có hiệu quả và hiệu lực để thực thi chính sách một cách đúng đắn, góp phần quan trọng vào việc điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực quản lý kinh tế biển.

Khung khổ, chính sách của quốc gia về quản lý và quản lý kinh tế biển có thể thúc đẩy hoặc kiềm hãm sự phát triển KT-XH, trong đó có ảnh hưởng đến sự quản lý kinh tế biển và QLNN cấp tỉnh về kinh tế biển. Nước ta có bờ biển dài 3.260 km, một vùng đặc quyền kinh tế biển rộng trên 1 triệu km², gấp 3 lần diện tích đất liền. Do vậy, vùng biển và ven biển nước ta có vị trí hết sức quan trọng cả về kinh tế, chính trị và quốc phòng, an ninh. Do vậy, những năm qua Đảng và nhà nước ta đã xây dựng Chiến lược biển, Chính phủ có những cơ chế chính sách mở đường, hỗ trợ cho kinh tế biển phát triển.

Ngoài việc xây dựng và hoàn thiện các chính sách về biển, cần tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành và các địa phương, chỉ đạo sát sao công cuộc xây dựng quản lý kinh tế biển và cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, tài nguyên cũng như bảo vệ nguồn lợi và môi trường biển. Chính sách quản lý, khai thác biển của nhà nước ta dựa trên cơ sở hài hòa hợp lý mối quan hệ giữa các lợi ích quốc phòng, an ninh, chính trị, ngoại giao và quản lý kinh tế biển. Kinh tế biển Việt Nam cho tới nay vẫn còn đang phát triển dưới tiềm năng của nó. Lý do chủ yếu vẫn là cơ chế, chính sách chưa đủ thông thoáng để mở cửa vùng biển hội nhập với khu vực và thế giới. Đặc biệt, chính sách phát triển của nhà nước trong công tác nghiên cứu, tổ chức quy hoạch quản lý kinh tế biển: Đây có thể coi là nhân tố “đủ” để quản lý kinh tế biển và quyết định thành công của kinh tế biển.

Thứ ba, phân cấp trong hệ thống các cơ quan nhà nước về quản lý kinh tế biển. Phân cấp trong hệ thống các cơ quan nhà nước về quản lý kinh tế biển là hình thức chuyển giao nguồn lực, quyền hạn và trách nhiệm trong việc thực thi nhiệm vụ QLNN về

kinh tế biển cho địa phương. Qua đó có thể giúp nâng cao hiệu quả của quá trình thực hiện nhiệm vụ của Nhà nước về kinh tế biển, đưa các quyết định về quản lý kinh tế biển xuống gần với thực tiễn hơn, do đó dễ dàng đáp ứng đúng nhu cầu của thực tiễn. Bên cạnh đó giúp giảm bớt khối lượng công việc về quản lý kinh tế biển ở cấp Trung ương, để cấp này tập trung nhiều hơn vào việc hoạch định chính sách. Phân cấp trong hệ thống các cơ quan nhà nước về quản lý kinh tế biển góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội nhờ việc ra quyết định phù hợp với thực tiễn biển đảo của địa phương và thứ tự ưu tiên các nhu cầu ở địa phương

Thứ tư, năng lực của bộ máy quản lý cấp tỉnh. Năng lực của bộ máy quản lý có vị trí quan trọng trong tất cả các lĩnh vực. Trong lĩnh vực kinh tế biển, vị trí ấy lại càng đặc biệt quyết định. Để khai thác tiềm năng quản lý kinh tế biển không những cần một đội ngũ nhân lực quản lý nhiều về số lượng mà còn phải có tư duy, tầm nhìn dài hạn và trình độ KH-CN đáp ứng được nhu cầu QLNN về kinh tế biển, quản lý và bảo vệ nguồn tài nguyên biển của địa phương.

Năng lực của bộ máy quản lý cấp tỉnh đối với kinh tế biển là khả năng thực hiện chức năng quản lý kinh tế biển và phục vụ nhân dân của bộ máy hành chính. Nói một cách khác, đây là khả năng huy động tổng hợp các yếu tố tạo thành sức mạnh thực thi quyền hành pháp của các nhà nước đối với sự phát triển của kinh tế biển. Các yếu tố cấu thành năng lực của quản lý nhà nước đối với kinh tế biển bao gồm: Hệ thống tổ chức hành chính được thiết lập trên cơ sở phân định rành mạch chức năng, thẩm quyền giữa các cơ quan, tổ chức, các cấp trong hệ thống hành chính

Việc xác định và phân công chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và mỗi cơ quan Trung ương trong quản lý hành chính nhà nước đối với kinh tế biển chưa thật hợp lý, còn chồng chéo, trùng lặp, nhất là ở những lĩnh vực hấp dẫn và lĩnh vực quản lý có sự giao thoa, đan xen về phạm vi, đối tượng giữa các bộ, ngành. Do đó, không làm rõ được các nội dung QLNN của mỗi bộ, ngành; từ đó, các địa phương khó xác định kết quả, hiệu quả công việc của mỗi cơ quan cấp tỉnh có liên quan đến kinh tế biển như: Sở NN - PTNT, Sở TN - MT, Ủy ban nhân dân các huyện ven biển là những đơn vị thực hiện trách nhiệm quản lý. Nhân tố năng lực cán bộ quyết định đến cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch tạo ra cho doanh nghiệp và người dân phát huy hết khả năng xây dựng, khai thác, bảo vệ nguồn tài nguyên biển cá trước mắt và lâu dài.

Do vậy, để xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ, từng cơ quan, đơn vị xây dựng chiến lược về nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức quản lý nhà nước về biển và hải đảo; xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực

trong từng giai đoạn, xác định rõ nhu cầu, tiêu chuẩn phù hợp. Từng bước đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức, bảo đảm công tác đào tạo, bồi dưỡng gắn với tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và theo quy hoạch, kế hoạch. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, kiến thức các chuyên ngành quản lý nhà nước về kinh tế biển.

Thứ năm, sự hỗ trợ của Trung ương và sự phối hợp của các địa phương khác. Cũng như với các lĩnh vực kinh tế khác, tính ổn định chính trị và mức độ hỗ trợ, quan tâm hỗ trợ của Trung ương có mối quan hệ thuận chiều với sự quản lý nhà nước về kinh tế biển của địa phương. Quản lý nhà nước về kinh tế biển cần có sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong và ngoài tỉnh nhằm chia sẻ kinh nghiệm và nguồn lực trong công tác quản lý nhà nước về kinh tế biển.

Sự trao đổi, phối hợp càng tốt thì khả năng quản lý nhà nước về kinh tế biển của địa phương càng được cải thiện và ngược lại. Nhất là lúc có những vấn đề bất trắc xảy ra trên biển mà tình huống giằng co khả năng hỗ trợ giải quyết./

Tài liệu tham khảo

Trần Thị Thu Trang (2015), Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tạo bản đạp cho kinh tế biển phát triển bền vững, Tạp chí cộng sản, số 103/2015.

Trương Minh Dục (2016), Phát triển kinh tế biển với bảo vệ chủ quyền vùng biển quốc gia, Tạp chí Kinh tế và quản lý, tháng 1/2016.

Đại Học Quốc Gia Hà Nội (2017), Phát triển bền vững kinh tế biển: từ chiến lược chính sách đến thực tiễn Việt Nam hiện nay, Đại Học Quốc Gia Hà Nội.

Tạo động lực làm việc cho giảng viên ...

Tiếp theo trang 132

Trong thời kỳ cạnh tranh như hiện nay, Ban giám hiệu nhà trường cần chủ động hội nhập, tích cực học hỏi, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và có những quyết định kịp thời. Để thực hiện tốt các mục tiêu đề ra của nhà trường ban giám hiệu cần thực hiện thành công những giải pháp đột phá: giải pháp về con người, giải pháp về quản lý.

Trong các giải pháp đó, nhà trường sẽ dành nhiều thời gian, công sức cho giải pháp xây dựng đội ngũ giảng viên nhà trường. Nhà trường nhận thức rõ có được sự phát triển mạnh và bền vững hay không chính nhờ yếu tố quyết định là nhân lực. Chính vì thế hoạt động tạo động lực cho người lao động luôn được quan tâm hàng đầu.

Nhà trường luôn nắm rõ tạo động lực cho người lao động là hoạt động mang tính chất lâu dài, cần được thực hiện thường xuyên, là giải pháp bền vững để thu hút và giữ chân nhân tài. Tạo động lực lao động là các hoạt động nhằm mục đích thay đổi hành vi, thái độ của người lao động theo hướng tích cực. Bên cạnh đó, tạo động lực cho người lao động đòi hỏi phải sử dụng đồng bộ các công cụ và chính sách đảm bảo chăm lo cho đời sống của người lao động ở cả mặt vật chất và tinh thần.

Định hướng tạo động lực cho người lao động trong thời gian tới chính là tạo cơ hội phát triển cho người lao động, đào tạo cán bộ giảng viên nhà trường đáp ứng được yêu cầu công việc, bố trí sử dụng lao động hợp lý và xây dựng các chính sách đãi ngộ xứng đáng.

Nhà trường cần quan tâm tạo điều kiện cho người lao động thể hiện năng lực cũng như tạo cơ

hội phát triển, công tác đào tạo chính là một trong những nhiệm vụ cấp bách được ưu tiên hàng đầu. Cần chú trọng xây dựng cơ chế bố trí đúng người, đúng việc, sử dụng hợp lý lao động phù hợp với năng lực và sở trường. Đồng thời cần có chính sách đãi ngộ tôn vinh người tài.

Bên cạnh đó, Ban giám hiệu nhà trường cũng quyết tâm xây dựng một tập thể lãnh đạo đoàn kết, phát huy vai trò tập thể, đề cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu nhà trường và mỗi thành viên của Ban giám hiệu nhà trường, hành động kiên quyết, kiên trì và sáng tạo, hợp tác, hỗ trợ cùng nhau phấn đấu hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao./

Tài liệu tham khảo

Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh nỗ lực để đạt chuẩn quốc gia. <https://baohatinh.vn/giao-duc/truong-cao-dang-cong-nghe-ha-tinh-no-luc-de-dat-chuan-quoc-gia/226358.htm>

Thu Hương (2021). Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh: Xây dựng môi trường giáo dục sáng, xanh, sạch, đẹp. <https://baodansinh.vn/truong-cao-dang-cong-nghe-ha-tinhxay-dung-moi-truong-giao-duc-sang-xanh-sach-dep-20210922172817372.htm>

Một số kết quả hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh. <http://htvtc.edu.vn/vi/news/Tin-tuc/mot-so-ket-qua-hoat-dong-cua-truong-cao-dang-cong-nghe-ha-tinh-213.html>